

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Lâm nghiệp; Chuyên ngành: Lâm học.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Thái Thành Lượm.

2. Ngày tháng năm sinh: 24/12/1959; Nam ☒ Nữ ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thạnh Đông A, Huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 93B Trần Hưng Đạo, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Thái Thành Lượm, số P26 C16 Trần Bạch Đằng, P. An Hòa, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại nhà riêng: 02973603545; Điện thoại di động: 0983993545; E-mail: thaithanhluom@gmail.com; thaithanhluom@vnkgu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 06/1982 đến tháng 12/1984: Chuyên viên, Tổ trưởng Tổ Điều tra Quy hoạch rừng, Sở Lâm nghiệp Kiên Giang.

Từ tháng 01/1985 đến tháng 12, năm 1987: P. trưởng phòng Kỹ thuật, Sở Lâm nghiệp Kiên Giang

Từ tháng 01/1988 đến tháng 12/1992: Ủy viên BCH Tỉnh Đoàn (P. Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên Xung phong, P. Ban Phong trào Tỉnh Đoàn Kiên Giang).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 01/1993 đến tháng 12/1998: P. trưởng phòng Kỹ thuật Sở Nông Lâm Thủy lợi, tỉnh Kiên Giang..

Từ tháng 01/1999 đến tháng 06/2003: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Kiên Giang, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang(Khóa V). Ủy viên UBMT Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Kiên Giang 02 nhiệm kỳ 2005 -2010 và 2010 -2015; là Hội thẩm nhân dân tỉnh Kiên Giang 03 nhiệm kỳ 2000 – 2005, 2005 – 2010, 2010 – 2015.

Từ tháng 06/2003 đến tháng 06/2006: Giám đốc Vườn Quốc gia U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang.Trong đó: 2003 – 2004 Giảng viên thỉnh giảng bậc sau đại học ngành “Đất và Đánh giá đất đai” Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Từ tháng 06/2006 đến tháng 06/2008: Phó Bí thư huyện ủy Phú Quốc, Chủ tịch UBND Phú Quốc, Ủy viên BCH đảng ủy Quân sự Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang Trong đó 2006 – 2007 là Giảng viên thỉnh giảng bậc sau đại học ngành “Quản lý tài nguyên thiên nhiên” của Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh).

Từ tháng 06/2008 đến tháng 06/2011: Ủy viên Ban chấp hành Tỉnh ủy Kiên Giang, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Kiên Giang, Chuyên viên Cao cấp từ bậc 1 đến bậc 3 (Trong đó: 2010 2014 Giảng viên thỉnh giảng các học phần sau đại học tại Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM).

Từ tháng 06/2011 đến tháng 09/2014: Ủy viên BCH Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang, Chuyên viên Cao cấp bậc 4 đến bậc 5 (Trong đó: 2015 – 2019 Giảng viên thỉnh giảng các học phần sau đại học học tại Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM và đã hướng dẫn thành công 18 Cao học thạc sĩ)

Từ tháng 09/2014 đến tháng 01/2020: Ủy viên BCH Tỉnh ủy (2014 -2015), Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang, Giảng viên Cao cấp bậc 6 đến bậc 8.Trong đó: Hướng dẫn 07 nghiên cứu sinh, có 03 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, có 02 Tiến sĩ hướng dẫn chính đã nhận bằng TS).

Từ tháng 01/2020 đến nay năm 2022: Giảng viên cao cấp bậc 08, Thành viên Hội đồng Trường Đại học Kiên Giang. Trong đó: Hướng dẫn 07 nghiên cứu sinh, 03 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, có 02 Tiến sĩ hướng dẫn chính đã nhận bằng TS).

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên Cao cấp bậc 8; Chức vụ cao nhất đã qua: Tỉnh ủy viên BCH Đảng Bộ tỉnh Kiên Giang (2010 -2015; Giám đốc Sở (2008 – 2014); Hiệu trưởng Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014 – 2019).

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kiên Giang.

Địa chỉ cơ quan: 320A, TT. Minh Lương, H. Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại cơ quan: 02973603545.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ...năm Không

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 11 năm 1995; số văn bằng: 38/C212, số hiệu bằng A124077; ngành: Lâm nghiệp, chuyên ngành: Lâm sinh học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh

- Được cấp bằng ThS ngày tháng năm ; số văn bằng: ; ngành: ; chuyên ngành: ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Không

- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 01 năm 1997; số văn bằng: 3889; ngành: Khoa học Nông nghiệp; chuyên ngành: Lâm nghiệp; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày tháng năm; số văn bằng: ; ngành: ; chuyên ngành: ; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Không.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS theo Quyết định 189/2010, ngày 04 tháng 01 năm 2010, của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước. Được bổ nhiệm chức danh PGS theo Quyết định số 1984/QĐ-BGDĐT, ngày 09 tháng 05 năm 2011; ngành: Lâm nghiệp.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Lâm nghiệp.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lâm sinh - môi trường đồng bằng sông Cửu Long (rừng Tràm *Mecaleuca cajuputi* L.);

- Lâm sinh - môi trường rừng đồi núi Phú Quốc (cây Dó bầu (*Aquilaria crassna*);

- Lâm sinh - môi trường rừng ngập mặn ven biển ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 07 NCS, 03 NCS bảo vệ thành công luận án TS; trong đó 02 NCS là hướng dẫn chính

- Đã hướng dẫn (số lượng) 18 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Số lượng 14 đề tài gồm: 10 cấp tỉnh, 02 đề tài cấp Bộ, 02 đề nhánh cấp Nhà nước; trong đó 01 đề tài cấp Bộ đạt xuất sắc, 02 đề tài cơ sở cấp trường đã nghiệm thu.

- Đã công bố (số lượng) 78 công trình khoa học, trong đó có 26 công trình đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (05 bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus); 52 công trình đăng tạp chí trong nước

- Đã được cấp (số lượng) 01 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Số lượng sách đã xuất bản 17 sách trong nước và chương sách tạp chí nước ngoài, trong đó 17 và 01 chương sách chỉ số ISBN Quốc tế thuộc nhà xuất bản có uy tín; trong đó có 07 giáo trình (02 giáo trình song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh)

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 01 sáng chế cơ cấu.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Huân chương lao động hạng 03 của Chủ tịch nước (nm 2009)
- Huân chương hữu nghị hạng nhất (Đại hiệp sĩ) do Quốc vương Campuchia tặng 2019 (vì sự nghiệp đào tạo sinh viên Campuchia)
- Huy chương danh dự Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
- Huy chương vì thế hệ trẻ
- Huy chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT
- Huy chương vì sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp An Ninh Tổ Quốc
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tuyên giáo
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Hội thẩm Tòa án nhân dân
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Giao thông Vận tải
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Khoa học và Công nghệ
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Hiệp hội Giáo dục và Đào tạo (2020)
- Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh Kiên Giang (2 lần)
- Chiến sĩ thi đua toàn quốc 2010
- Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (2005)
- Bằng khen Bộ Tài nguyên và Môi trường (2009)
- Bằng khen Bộ Thông tin và Truyền thông (2013)
- Bằng khen của UBND tỉnh Kiên Giang (2000), 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2010)
- Bằng khen của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang (năm 2009)
- Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): khiển trách chi bộ 2015 vì trách nhiệm của cấp dưới

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 18 năm, sau PGS là 12 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2009-2010						192	192
2	2010-2011	01					174	174
3	2011-2012	02	02	05			135	135
4	2012-2013	03	03	03		90	235	325
5	2013-2014	03	03	04		90	150	240
6	2014-2015	03	03	03		90	180	90/270/270
7	2015-2016	03	03	01		150	180	150/310/270
1	2016-2017	03	03	01		225	225	225/450/270
2	2017-2018	03	03	01		180	135	180/315/270
3	2018-2019	03	02		05	270	135	270/415/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020				05	180	135	180/315/270
5	2020-2021				07	210	397	230/577/270
6	2021-2022				03	270	300	270/552/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm Không

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm Không

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp: Không

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Giảng dạy chuyên đề bằng tiếng Anh cho sinh viên Quốc tế của trường Đại học Utrecht Hà Lan tại Trường Đại học Kiên Giang.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: Không.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Các chứng chỉ các trường và tổ chức Quốc tế:

ASEAN-EU University Network Programme (Conservation and sustainable Utilization of Plant Genetic Resource in SE-Asia). Certificate “AUNP National Training on Utilization of Forest Genetic Resources (Tree Breeding), October 2004.

ASEAN-EU University Network Programme (Conservation and sustainable Utilization of Plant Genetic Resource in SE-Asia). Certificate “AUNP National Training on Conservation of Forest Genetic Resources, June - July 2005.

Ministry of Environment of Republic of Korea (International Special Training Program on Environment Management). Certify that “has successfully completed the International Special Training Program on Environmental Management”. October 2007, organized by National Institute of Environmental Human Resources Development (EHRD), Ministry of Environment, Republic of Korea.

Unitar (United National Institute for Training and Research of Korea). Certificate of participation “Low carboncity: Green Growth for local governments in the Asia – Pacific Region, in Jeju, Republic of Korea.

La Trobe University: Certificate of Attendance “Management and preservation of traditional culture and art, and human resources development in the fields of culture, sport and tourism”.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Văn Thắng	x		x		2011-2016	Trường ĐH LN Việt Nam	Ngày 10/04/2018/Quyết định số 646/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH
2	Thái Bình Hạnh Phúc	x		x		2012-2017	Trường Đại học Cần Thơ	Ngày 02/05/2019/QĐ số 1271/QĐ-ĐHCT
3	Phạm Văn Tùng	x			x	2011-2016	Viện KH Thủy lợi Miền Nam	Ngày 11/09/2018/QĐ số 669/QĐ-VKHTLMN
4	Quách Kim Oanh	x			x	2013-2018	Viện KH Thủy lợi Miền Nam	Chưa bảo vệ
5	Phan Minh Sang	x		x		2013-2018	Viện KH Thủy lợi Miền Nam	Chưa bảo vệ
6	Lê Thanh Quang	x		x		2013-2018		Bảo vệ cơ sở
7	Lê Việt Khái	x			x	2013-2018	Viện KH Thủy lợi Miền Nam	Bảo vệ cơ sở

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
IIa	Viết sách						
	Sách tiếng Anh						
A	Chapter 1: Study About Agarwood Oil (<i>Aquilaria crassna</i> Pierre)in Phu Quoc Island National Park, Vietnam (đồng tác giả, chương sách có 05 tác giả).	CK	: BP International. Print ISBN: 978-93-5547- 306-6, eBook ISBN:987-93- 5547-314-1).	05	Tham gia	Trang 1-38	Tài liệu tham khảo trên trang thông tin của Nhà xuất bản
	Sách tiếng Việt						
1	Phú Quốc Tài nguyên và môi trường (song ngữ Việt Anh)	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2013.	03	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 01.04.2015
2	Trầm hương và Tinh dầu Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i>) Phú Quốc Việt Nam	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2014.	01	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 09.04.2015
3	Tài nguyên và Môi trường than bùn ở đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2013.	02	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 09.04.2015
4	Tài nguyên sinh học trên các hệ sinh thái núi đá vôi ở vùng Tây nam Việt Nam	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2016.	01	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 01.01.2016
5	Môi trường đất và giải pháp chống suy thoái ở Vườn Quốc gia Phú Quốc Việt Nam	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2017.	01	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 01.10.2017
6	Tài nguyên nước dưới đất vùng ven biển Tây tỉnh Kiên Giang	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2016.	01	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 10.01.2016
7	Nghiên cứu Mầm đen (<i>Avicennia officinalis</i>) trong rừng ngập mặn	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2019.	02	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 20.06.2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	biển Tây Việt Nam						
8	Khả năng chịu tải hệ sinh thái môi trường sông Vàm Cỏ	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2013.	04	Tham gia	Sách in	Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 01.01.2014
9	Kỹ thuật trồng cây Mắm đen (<i>Avicennia officinalis</i>) và cây Mắm trắng (<i>Avicennia alba</i>) trong vùng biển Tây Việt Nam	HD	Khoa học và Kỹ thuật, 2019.	02	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện ĐHKG ngày 20.06.2019
10	Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống xói lở rừng ngập mặn biển Tây hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	HD	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	02	Chủ biên	Sách in	Mới in
IIB	Giáo trình						
11	Ứng dụng công nghệ sinh học trong thực phẩm	GT (đại học)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2019	02	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 01.05.2019
	Applications of Biotechnology in Food	GT (đại học) Tiếng Anh	NXB Đại học Cần Thơ, 2019	02	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 01.05.2019
12	Nhập môn công nghệ sinh học	GT (đại học)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2019	03	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 01.03.2020
13	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm đất	GT (đại học)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2020	03	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 01.03.2020
13	Curriculum Treatment Engineering For Soil Pollution	GT (đại học)	NXB ĐH Cần Thơ, 2020	04	Chủ biên	Sách in	Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 01.03.2020
14	Sản xuất sạch hơn	GT (đại học)	NXB Giáo dục Việt Nam 2020	02	Chủ biên	Sách in	Đã xuất bản và đang sử dụng trong thư viện trường Đại học Kiên Giang
15	An toàn trong sản xuất thực phẩm	GT (đại học)	NXB Giáo dục Việt Nam 2020	02	Chủ biên	Sách in	Đã xuất bản và đang sử dụng trong thư viện trường Đại học Kiên Giang
16	Xử lý phòng chống ô nhiễm và suy thoái môi trường đất	GT (đại học và cao học)	NXB Đại học công nghiệp TP. HCM, 2011	02	Tham gia	Sách in	Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 30.01.2015
17	Làng sinh thái, đô thị sinh thái, khu công nghiệp sinh thái	GT (đại học và cao học)	NXB Đại học công nghiệp TP. HCM, 2011	03	Tham gia	Sách in	Xác nhận thư viện Đại học Kiên Giang, ngày 30.01.2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Trong đó: Sổ lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản
 và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên
 sau PGS/TS: Sách chuyên khảo và sách hướng dẫn. [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9],
 [10], [A]. Sách Giáo trình [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản),
 nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD:
 sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-
 56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS (trước tháng 06/2010)				
1	ĐT: Điều chỉnh mật độ rừng Đước với khả năng kết hợp nuôi tôm rừng phòng hộ ven biển, tỉnh Kiên Giang	CN	UBND tỉnh Kiên Giang	1995-1996	25/01/1996, đạt
2	ĐT: Xây dựng mô hình nông lâm ngư vùng đệm khu Bảo tồn thiên nhiên U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.	CN	UBND tỉnh Kiên Giang	1995-1996	25/01/1996, đạt
3	ĐT: Xây dựng rừng mấm để chinh phục bãi bồi ven biển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Kiên Giang	CN	UBND tỉnh Kiên Giang	1995-1996	25/01/1996, đạt
4	ĐT: Khảo nghiệm cho giống và xuất xứ các giống trầm Melaleucas, trên vùng Bắc Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang	CN	UBND tỉnh Kiên Giang	1995-1996	25/01/1996, khá
5	ĐT: Khảo nghiệm cho các giống trầm và xuất xứ các giống trầm Melaleucas trên vùng đất rừng U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	CN	UBND tỉnh Kiên Giang	1996-1997	22/12/1997, khá
6	ĐT: Đánh giá tác động môi trường về quá trình sử dụng tài nguyên sinh thái rừng vùng Tứ giác Long Xuyên, tỉnh Kiên Giang	CN	UBND tỉnh Kiên Giang	1997-1998	31/08/2000, khá
7	ĐT: Nghiên cứu đặc tính ưu thế lai của 3 nhóm tổ hợp lai trong 2 loại trầm cừ (<i>Melaleuca cajuputi</i>) trong nước và (<i>Melaleuca leucadendra</i>) trầm nhập nội Asutralia	CN	UBND tỉnh Kiên Giang	2000-2002	11/10/2006, khá

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

II	Sau khi được công nhận PGS/TS (Sau tháng 06/2010)				
1	ĐT: Nghiên cứu xác định các giống cây Dó bầu và các loài nấm cộng sinh có khả năng tạo trầm thuộc Vườn Quốc gia Phú Quốc	CN	UBND tỉnh Kiên Giang	2010-2011	14/12/2011, khá
2	ĐT: Đánh giá hiện trạng môi trường đất và đề xuất biện pháp chống suy thoái một số hệ sinh thái rừng Vườn Quốc gia Phú Quốc	CN	UBND tỉnh Kiên Giang	2010-2011	31/12/2014, đạt
3	ĐT: Nghiên cứu xác định hàm lượng và chất lượng tinh dầu từ cành và lá cây trầm hương (<i>Aquilaria crassna</i> Piere) 20 tuổi tại Phú Quốc	CN	UBND tỉnh Kiên Giang	2010-2011	04/10/2011, đạt
4	ĐT: Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật gây trồng một số loài cây gỗ trong rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau	CN	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017-2018	18/08/2019, xuất sắc
5	ĐT: Nghiên cứu chế độ ngập nước đến sinh trưởng và khả năng phòng chống cháy rừng trầm rừng U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang	CN	Đề tài nhánh: Cấp nhà nước	2010-2011	02/05/2010, đạt
6	ĐT: Nghiên cứu đánh giá tác động của dự án đề biến Rạch Giá - Kiên Giang đến môi trường và hệ sinh thái trong khu vực	CN	Đề tài nhánh: Cấp nhà nước	2014-2015	10/06/2014, đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
TẬP IIa								
I	Trước khi được công nhận PGS/TS (Trước tháng 06/2010)							
1	Evaluation of the surface water in area of Vietnam	01	X (Chính)	Korean Society of Environmental Impact Assessment (KSEIA): Vol. 18, No. 6. ISSN: 1225 - 7184			Tập IIa, trang 1-10	11/2009

II	Sau khi được công nhận PGS/TS (Sau tháng 06/2010)							
Năm (5) Bài Báo Quốc tế có chỉ số ISI là chủ biên								
2	(1) Current Management of Allocated Mangroves for livelihood Improvement in the Mekong Delta, Vietnam, Knowleged Gaps and a Potential Model for Future Management https://doi.org/10.1080/10549811.2020.1743722	02	x (Chính)	Journal Sustainable Forestry ISSN: 1054-9811 (Print) 1540-756X. ISI	ISI/Scopus, IF=1,755, Q2		Tập IIa, trang 11-26	03/2020
3	(2) Protected mangrove forests and aquaculture development for livelihood. https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2021.105553	04	x	Ocean and Coastal Management. ISSN: 0964 – 5691.	ISI/Scopus, IF=3,24, Q2		Tập IIa, trang 27-36	01/2021
4	(3) Using Fine – Grained Sidement and Wave Atenuation as a New Mearsure for Evaluating the Efficacy of Offshore Breakwaters in Stabilizing and Eroded muddy Coast Insights form Ca Mau The Mekong Delta Vietnam https://doi.org/10.3390/su94798	06	x	Sustainability	ISI/Scopus, IF=3,25, Q2		Tập IIa, trang 37-53	04/2021
5	(4) The chemical resistances of pesticides in agriculture production in three eco-zones in Kien Giang provice http://www.bioflux.com.ro/docs/2022.1344-1354.pdf	05	x	Aquaculture, Aquarium, Conservation & Legistation – International Journal of the Bioflux Society. ISI Q3 Published by Bioflux - bimonthly -	Scopus, IF=0,99, Q3		Tập IIa, trang 54-66	04/2022
6	(5) Pollution by waste water form aquaculture in the	07		Aquaculture, Aquarium, Conservation & Legistation – International Journal of the Bioflux Society. ISI Q3	Scopus, IF=0,99, Q3		Tập IIa, trang 67-80	04/2022

	Mekong Delta, Vietnam. http://www.bioflux.com.ro/docs/2022.1344-1354.pdf							
Các bài báo Quốc tế là chủ biên								
7	Intergrated Multiple Species Aquaculture in the Protected Mangrove Areas in the Mekong Delta, Vietnam: A Case Study in Kien Giang doi:10.4172/2473-3350.1000465	01	x (Chính)	Journal Coast Zone Manage. Volume 21*Issue 2*1000465. ISSN-2473-3350			Tập IIa, trang 81-88	12/2018
8	Sea dykes as coastal protection strategy: Effectiveness and constrains in Kien Giang, Vietnam doi:10.4172/2473-3350.1000467	01	x	Journal Coast Zone Manage. ISSN -2473-3350 Vol. 22 Iss. 1. 1000467			Tập IIa, trang 89-94	01/2019
9	Aquaculture Operation in Allocated Mangrove Areas in Kien Giang, Vietnam: Local Perceptions and Recommendations	01	x	Journal Coast Zone Manage. Volume 22* Issue 2 * No:470	ISI/Scopus		Tập IIa, trang 95-100	06/2019
10	Genetic Characteristics and Nine Trial Species Growing Forests in The Coastal Alluvial Soil in the South-West of The Mekong River Delta in Vietnam	02	x	Journal Advancement in Plant Science. ISSN: 2639-1368. Vol. 2. Issue 2			Tập IIa, trang 101-110	03/2020
11	Effect of flooding on peatland in U Minh Thuong National park Vietnam	01	x	Soil Science and Environmenttal Management. ISSN 2141-2391 DOI:10.5897/SSEM			Tập IIa, trang 111-119	03/2020
12	Curren Status and Potential of Some Important Spieces of Mangrove Forest in Kien Giang and Ca Mau Provinces"	02	x	Journal of Advancements in Plant Science. ISSN: 2639-1368. Vol. 2. Issue 2			Tập IIa, trang 120-125	04/2020
13	Resistant Nature to Tocxicity of Rice Plant, Growing on Acid Sulphate Soil,		x	Soil Science and Environmenttal Management. ISSN 2141-2391 DOI:10.5897/SSEM			Tập IIa 2, trang 126-132	

	Mekong Delta. American Journal of Surgery and Clinical Case Reports							
Các bài báo Quốc tế đăng trên tạp chí có uy tín								
14	Existing Strategies for managing mangrove dominated muddy coasts: Knowledge gaps and recommendation http://dx.doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2017.01.016			Journal of Ocean & Coastal Management 138 (2017) 93-100	ISI/Scopus, IF=3,24, Q2		Tập IIa, trang 133-140	10 January 2017
15	Mangrove allocation for coastal protection and livelihood improvement in Kien Giang province, Vietnam: Constraints and recommendation http://dx.doi.org/10.1016/j.landusepol.2017.01.048			Journal of Land Use Policy. 63 (2017) 401 – 407 ISSN:0264-8377	ISI/Scopus		Tập IIa, trang 141-147	17 January 2017
16	Developing a framework for intergrating local and scientific knowledge in internationally funded environment management projects: case studies from Kien Giang, Vietnam http://dx.doi.org/10.1080/13549839.2017.134261			Local Environment. The International Journal of Justice and Sustainability ISSN: 1354-9839 (Print) 1469-6711 (Online)	ISI/Scopus		Tập IIa, trang 148-161	Jun 2017
17	Mangrove transplantation in Brebes Regency, Indonesia: Lessons and recommendations http://dx.doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2017.09.006			Oceans & Coastal Management 149 (2017) 12 – 21.	ISI/Scopus, IF=3,24, Q2		Tập IIa, trang 162-171	September 2017
18	Configuration of Allocated Mangrove Areas and Protection of Mangrove- Dominated Muddy Coasts: Knowledge Gaps and Recommendations			Sustainability 2021, 13, 6258	ISI/Scopus, IF=3,25, Q2		Tập IIa, trang 172-184	

	https://doi.org/10.3390/su16258							
Các bài hội thảo có đăng ký yếu								
19	Study, Dertermine of <i>Aquilaria crassna</i> plants kind and symbiotic fungi species that is capable of creation aloe wood to be of Phu Quoc National Park	03			Ho Chi Minh City University of Industry, Vietnam. 01/09. 2010			Tập IIa, trang 185-193
20	Using system mechanical wouled to researching exploration some cloning genotype orientation on <i>Aquilaria crassna</i> Piere species the content of Aquilaria oil in Phu Quoc Islands Vietnam	01	x		Ho Chi Minh City University of Industry, Vietnam. 01/09. 2010			Tập IIa, trang 194-199
21	Phylogennetic relationships of <i>Aquilaria crassna</i> plants and symbiotic fungi species cababel of producing Aleo wood plants of <i>Aquilaria crassna</i> in Phu Quoc National Park	03			Ho Chi Minh City University of Industry, Vietnam. 01/09. 2010			Tập 2, trang 200-207
22	The Solutions to Build Phu Quoc Islands into Green tourism Center, Central Vietnam	01	x		Jeju, Republic of Korea. 12 – 14 Octorber 2011 (Unitar and Veolia)			Tập IIa, trang 208-220
23	Impact of climate change and sea level rise to coastal ecological sensitive area in Kien Giang province	01	x		Hue City, 26 August 2011. Third Scientific Conference in EIA and SEA			Tập IIa, trang 221-233
24	Understanding climate change the case of Mekong delta Vietnam	02			International workshop 08 January 2019. Kien Giang University			Tập IIa, trang 234-245
25	Muddy Coasts, Sea Dyke Systems and Sea Level Rise: A Case Study in Kien Giang, the Mekong Delta of Vietnam	01	x		International workshop 08 January 2019. Kien Giang University			Tập IIa, trang 246-259

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

26	Current status and potential of some important species of Mangrove forest in Kien Giang and Ca Mau provinces, Vietnam	01	X	The X International Scientific Agriculture Symposium "AGROSYM 2019" 03 - 06 October 2019 on Jahorina mountain, Bosnia and Hezegovina.			Tập IIa, trang 260-266	
B	Tiếng Việt							
I	Trước PGS (trước tháng 06/2010)							
27	Diễn thế tự nhiên và giải pháp phục hồi rừng tràm sau cháy ở U Minh	02		Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, Bộ NN và PTNT. Kỳ 1- Tháng 3/2006. Trang 111 - 113			Tập IIa, trang 268-271	03/2006
28	Nghiên cứu tỉ lệ hàm lượng tinh dầu có trong các thành phần cây tràm hương (Do bầu) 20 năm tuổi vùng đảo Phú Quốc Việt Nam	02	X	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 15/2007. Trang 72 - 75			Tập IIa, trang 272-276	08/2007
29	Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường để phát triển thủy sản bền vững vùng ven biển tỉnh Kiên Giang	02	X	Hội nghị Khoa học công nghệ lần thứ 11, ngày 21 - 23/10/2009, Trường Đại học Bách Khoa TP. HCM.			Tập IIa, trang 277-- 286	10/2009
30	Đánh giá hiện trạng môi trường nước nuôi tôm công nghiệp và đề xuất biện pháp cải thiện tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	04	X	Tạp chí Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam. ISN 0866 - 708X. Tập 47 - Số 3A/ 2009. Trang 264 - 276			Tập IIa, trang 287-299	03A/2009
31	Kết quả nghiên cứu giống cây tràm hương 20 năm tuổi (<i>Aquilaria crassna</i> Pierre) trên những dòng cây mẹ có khả năng tự nhựa tràm tại vùng đảo Phú Quốc	02	X	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. Bộ NN và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 4/2009. Trang 95 -98			Tập IIa, trang 300-303	04/2009
32	Đánh giá thực trạng môi trường nước mặt trên một số vùng sinh thái trọng điểm trên vùng biển Tây Kiên Giang Việt Nam	02	X	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 5/2009. Trang 104 -109			Tập 2, trang 304-309	05/2009
33	Đánh giá ảnh hưởng của chất diệt cỏ/Dioxin với môi trường hồ chứa Trị An hiện nay	02		Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 8/2009. Trang 31 - 35			Tập IIa, trang 310-314	08/2009

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

34	Nghiên cứu cải thiện năng suất loài tràm bản địa từ các giống tràm nhập nội trên vùng đất phèn nặng ngập nước theo mùa trong vùng đồng bằng sông Cửu Long	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2009. Trang 153 -161.			Tập IIa, trang 315-323	12/2009
35	Nghiên cứu xác định một số loài động, thực vật đặc hữu trong hệ sinh thái núi đá vôi còn sót lại ở khu vực Hòn Chông, Kiên Giang, Việt Nam	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2009. Trang 115 - 120			Tập IIa, trang 324-329	12/2009
36	Nghiên cứu thực trạng của biến đổi khí hậu, xu hướng thiên tai, những kinh nghiệm bảo vệ vùng ven biển du lịch và bảo tồn thiên nhiên của tỉnh Kiên Giang	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 01/2010. Trang 14 – 21.			Tập IIa, trang 330-337	01/2010
37	Nghiên cứu diễn biến môi trường nguồn nước mặt các vùng sinh thái nông nghiệp hạ lưu sông Mekong ven biển tây Việt Nam (2005-2009)	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 3/2010. Trang 103 – 108.			Tập IIa, trang 338-343	03/2010
38	Sử dụng chỉ số chất lượng đất SQI - Soil quality index để đánh giá hiện trạng chất lượng đất ở Vườn Quốc gia Phú Quốc	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 04/2010. Trang 109 – 114.			Tập IIa, trang 344-349	04/2010
39	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước và lửa rừng ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 5/ 2010. Trang 109 – 113.			Tập IIa, trang 350-354	05/2010
Tập IIb								
II	Sau khi được công nhận PGS (sau tháng 06/2010)							
40	Phục hồi và quản lý rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu tỉnh Kiên Giang	01	x (Chính)	Tuyển tập hội thảo Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội (ACT MANG).			Tập IIb, trang 355-364	11/2010
41	Nghiên cứu tổng quan hệ sinh thái đất ngập nước	01	x	Kỷ yếu hội thảo Quốc gia. Nhà xuất bản Nông nghiệp (sách có 154 trang, (trang 51-64)			Tập IIb, trang 365-378	11/2010

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Vườn Quốc gia U Minh Thượng							
42	Nghiên cứu xác định các giống Dó bầu và các loài nấm cộng sinh có khả năng tạo trầm Vườn Quốc gia Phú Quốc	01	x	Tạp chí Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh. ISSN: 1859 - 3712 (trang 9-22)			Tập IIb, trang 379-392	11/2010
43	Phục hồi và quản lý rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu tỉnh Kiên Giang	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, ISSN: 1859 - 4581. (trang 77-83)			Tập IIb, trang 393-398	11/2010
44	Hiện trạng môi trường sinh thái và xử lý môi trường trong định hướng phát triển bền vững đầm Đông Hồ, tỉnh Kiên Giang	02	x	Kỷ yếu Hội nghị khoa học-Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM. (trang 463-468)			Tập IIb 3, trang 399-404	12/2011
45	Nghiên cứu thực trạng của biến đổi khí hậu, xu hướng thiên tai, những kinh nghiệm bảo vệ vùng ven biển và bảo tồn thiên nhiên tỉnh Kiên Giang	01	x	Kỷ yếu hội nghị khoa học – Trường Đại học Cần Thơ, NXB Nông nghiệp (Chủ biên từ trang 410-422)			Tập IIb, trang 405-418	11/2010
46	Mối liên hệ giữa bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng tại đầm Đông Hồ, Hà Tiên, Kiên Giang	02	x	Kỷ yếu Hội nghị khoa học-Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM (chủ biên từ trang 413-418)			Tập IIb, trang 419-424	12/2011
47	Điều tra thực trạng khai thác và chất lượng tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	01	x	Hội nghị khoa học Quốc gia (Tuyển tập các báo cáo khoa học, Hội nghị khoa học điều tra, đánh giá và Quy hoạch Tài nguyên nước Khu vực Phía Nam), Chủ biên từ trang 220 - 227.			Tập IIb, trang 425-432	12/2011
48	Đánh giá diễn biến môi trường vùng nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản để cảnh báo nạn ô nhiễm môi trường trong sản xuất trên địa bàn U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	01	x	Tạp chí Viện Khoa học công nghệ Việt Nam. Tuyển tập các nghiên cứu phân ban Công nghệ và Quản lý môi trường. Hội nghị Khoa học Công nghệ lần thứ 12. Trường Đại học Bách Khoa TP. HCM. Tập 49-Số 5C/2011. ISSN: 0866 – 708X)			Tập IIb, trang 433-443	5C/2011
49	Sử dụng phương pháp tổn thương cơ giới hệ thống để nghiên cứu thăm dò trên một số dòng có	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. (trang 81 – 87)			Tập IIb, trang 444-451	02/2011

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	kiểu di truyền (Genotype) định hướng hàm lượng tinh dầu trầm hương của loài Trầm hương (<i>Aquilaria crassna</i>) ở quần đảo Phú Quốc						
50	Đánh giá hiện trạng đất than bùn trong mối liên hệ đến sự phát triển hệ sinh thái bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581.(trang 154 -158)		Tập IIb, trang 452-456	12/2011
51	Nghiên cứu hiện trạng môi trường các khu du lịch vùng đảo Phú Quốc Việt Nam	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. (từ trang 91-94)		Tập IIb, trang 457-460	12/2011
52	Đánh giá sự tái sinh của rừng Mắm (<i>Avicennia officinalis</i> L.) trên đất bùn thải và nước thải do nuôi tôm công nghiệp vùng ven biển TGLX tỉnh Kiên Giang	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. (trang 101-106)		Tập IIb, trang 461-466	04/2012
53	Thực trạng ô nhiễm môi trường trên các tuyến kinh thoát nước chính ở TP. Rạch Giá và cảnh báo môi trường đô thị tỉnh Kiên Giang	01	x	Tạp chí Rừng và Môi trường. Số 48/2012 (từ trang 36-42)		Tập IIb, trang 467-473	06/2012
54	Nghiên cứu phát triển du lịch gắn với diễn biến môi trường nước trên đảo Phú Quốc	02	x	Tạp chí Rừng và Môi trường. ISSN 1859 – 1248. Số 49/năm 2012 (từ trang 41-49)		Tập IIb, trang 474-478	07/2012
55	Thí nghiệm về ảnh hưởng của biến đổi nhật triều đến sự sinh trưởng và tái sinh của rừng Mắm đen (<i>Avicennia officinalis</i> L.) ở vùng ven biển TGLX tỉnh Kiên Giang	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. 2012. Số 3+4 năm 2013. ISSN: 1859 - 4581. (trang 2018 -222)		Tập IIb, trang 479-483	02/2013
56	Nghiên cứu các yếu tố chi phối sự phát sinh phát triển rừng ngập mặn Rạch Tràm, thuộc hạ lưu đồng bằng Bãi	02	x	Tạp chí Rừng và Môi trường. . ISSN 1859 – 1248. Số 53-54 năm 2013 (từ trang 47-53)		Tập IIb, trang 484-490	02/2013

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Thom, Phú Quốc Việt Nam							
57	Nghiên cứu thực trạng tài nguyên thiên nhiên núi đá vôi trong vùng Kiên Lương, Kiên Giang, Việt Nam	03	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số tháng 07/ 2013 (trang 105- 114)			Tập IIb, trang 491-501	07/2013
58	Kết quả nghiên cứu sử dụng năng lượng mặt trời để thiết kế kỹ thuật khai thác nước canh tác nông nghiệp trên nước biển ở vùng nhiệt đới mưa mùa Việt Nam	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số tháng 12 năm 2013 (từ trang 31 -35)			Tập , trang 502-506	12/2013
59	Nghiên cứu sự tái sinh của rừng tràm trong điều kiện biến đổi thủy văn trên các loại đất khác nhau Vườn Quốc gia U Minh Thượng	03	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2013. (trang 158-166)			Tập IIb, trang 507-515	12/2013
60	Những giải pháp chiến lược để giải quyết nhu cầu nước từ các vùng ngập mặn ven biển và các vùng biển đảo trong mùa khô ở Việt Nam	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2013.(trang 14-23)			Tập IIb, trang 516-525	12/2013
61	Sinh hóa học từ than bùn và khả năng sử dụng ở Việt Nam	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2013 (trang 05-13)			Tập IIb, trang 526-534	12/2013
62	Nghiên cứu thực trạng đặc tính đất, nước vùng ven biển tây đồng bằng sông Cửu Long	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2014. (trang 03 – 12)			Tập IIb, trang 535-544	12/2014
63	Xác định thành phần loài, các chỉ số sinh học và quần xã thực vật rừng ngập mặn vùng ven biển Tây đồng bằng sông Cửu Long	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2014 (trang 72 – 80)			Tập IIb, trang 545-553	12/2014
64	Nghiên cứu cấu trúc gien trên các dòng có cây tụ nhựa tràm hương của các loài Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i>) ở vùng đảo Phú Quốc Việt Nam	01	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 12/2014 (trang 81 – 89)			Tập IIb, trang 554-562	12/2014

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

65	Phân vùng sinh thái rừng ngập mặn làm cơ sở xác định mô hình trồng rừng và khôi phục rừng ngập mặn ven biển Tây Việt Nam	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 19/2017 (trang 186 -193)		Tập IIb, trang 563-570	10/2017
66	Phân tích mối tương quan giữa các loài trong cấu trúc quần xã rừng ngập mặn biển Tây tỉnh Kiên Giang	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 20/2017 (trang 215 – 220)		Tập IIb, trang 571-577	10/2017
67	Nghiên cứu tác động môi trường nước đến sinh trưởng của cây Mắm đen <i>Avicennia officinalis</i> L. trong rừng ngập mặn trên các tiểu vùng sinh thái ven biển Tây Việt Nam	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 11/2018 (trang 118 – 124)		Tập IIb, trang 578-584	11/2018
68	Nghiên cứu tác động của tính chất đất đến sự sinh trưởng và phát triển của cây Mắm đen <i>Avicennia officinalis</i> L. trong rừng ngập mặn theo các tiểu vùng sinh thái trên vùng biển Tây ở đồng bằng sông Cửu Long	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581.. Số 01/2019 (trang 149 -156		Tập IIb, trang 585-592	01/2019
69	Thành phần loài thân mềm có kích thước lớn (Lớp Gas tropoda, Bivalvia, Cephalopoda) ở vùng biển Phú Quốc Kiên Giang	03		Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 07/2019 (trang 3-12)		Tập IIb, trang 593-601	07/2019
70	Nghiên cứu kỹ thuật canh tác phục hồi rừng Mắm đen <i>Avicennia officinalis</i> L. trong rừng ngập mặn biển Tây Việt Nam	01	x	Tuyển tập hội thảo Quốc gia, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật ISBN, 2018 (trang 104 - 121)		Tập IIb, trang 602-619	12/2019
71	Nghiên cứu đánh giá thích nghi cây Mắm đen <i>Avicennia officinalis</i> L. và giải pháp phát triển rừng ngập mặn biển Tây Việt Nam	01	x	Tuyển tập hội thảo Quốc gia, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật ISBN. 2018. (trang 86 – 103)		Tập IIb, trang 620-637	12/2019
72	Khả năng giải phóng dinh dưỡng đất than bùn trong	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581.. Số 11/2020 (trang 266 – 272)		Tập IIb, trang 638-644	11/2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	môi trường nước ở Vườn Quốc Gia U Minh Thượng						
73	Nghiên cứu khả năng phân giải và khoáng hóa đất than bùn ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT. ISSN: 1859 - 4581. Số 22/2020. (trang 113 -117)		Tập IIb, trang 645-649	22/2020
74	Khảo sát một số loài thực vật thân thảo có giá trị trong vùng nông nghiệp ven biển Châu Thành – Kiên Giang nhằm đề xuất khả năng khai thác cho đời sống cộng đồng địa phương.	03	x	Tạp chí Rừng và Môi trường. . ISSN 1859 – 1248. Số 103 năm 2020 (trang 20 – 28)		Tập IIb, trang 650-658	103/2021
75	Khảo sát thực trạng tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp tại 03 vùng sinh thái tỉnh Kiên Giang		x	Tạp chí Rừng và Môi trường. . ISSN 1859 – 1248. Số 108/2021 (trang 69 – 79)		Tập IIb, trang 659-669	108/2021
76	Đánh giá hiện trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và công tác quản lý bao bì thuốc sau sử dụng tại 03 vùng sinh thái tỉnh Kiên Giang		x	Tạp chí Rừng và Môi trường. . ISSN 1859 – 1248. Số 109/2021 (trang 8 -12)		Tập IIb, trang 670-674	108/2021
77	Đặc tính của đất dưới tán rừng trồng bần trắng (<i>Sonneratia alba</i>) ở khu vực ven biển thuộc tỉnh Thừa Thiên – Huế.		x	Tạp chí Rừng và Môi trường. . ISSN 1859 – 1248. Số 110/2022 (trang 17 – 22)		Tập IIb, trang 675-680	110/2022
78	Ảnh hưởng của lập địa đến sinh trưởng của rừng bần trắng (<i>Sonneratia alba</i>) ở khu vực ven biển tỉnh Thừa Thiên – Huế			Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp – Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859 – 0373. Số 1 – 2022 (trang 177 – 184)		Tập IIb, trang 681-688	4/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 05 bài báo [2], [3], [4], [5], [6]

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: Không thuộc lĩnh vực An Ninh Quân sự

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Bài viết nghiên cứu tách sợi tơ từ cây chuối cho ngành dệt, may Số 6636/2020/QTG	Cục Bản Quyền Tác giả, Bộ Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch	15/09/2020	Tác giả chính	01

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 01

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao) - Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: Không.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Khoa học cây trong Công nghệ cao	Chủ trì	quyết định giao số 407/QĐ-ĐHKG ngày 28/06/2019	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 572/QĐ-ĐHKG ngày 09/09/2019	
2	Công nghệ sinh học thực vật biển	Chủ trì	quyết định giao số 408/QĐ-ĐHKG ngày 28/06/2019	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 573/QĐ-ĐHKG ngày 09/09/2019	
3	Công nghệ sinh học công nghệ cao	Chủ trì	quyết định giao số 409/QĐ-ĐHKG ngày 28/06/2019	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 574/QĐ-ĐHKG ngày 09/09/2019	
4	Nuôi trồng và bảo tồn sinh vật biển	Chủ trì	quyết định giao số 409/QĐ-ĐHKG	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 575/QĐ-	

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

					ĐHKG ngày 09/09/2019	
5	Khoa học cây trồng	Chủ trì	quyết định giao số 410/QĐ-ĐHKG ngày 28/06/2019	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 576/QĐ-ĐHKG ngày 09/09/2019	
6	Công nghệ thực phẩm,	Chủ trì	quyết định giao số 411/QĐ-ĐHKG ngày 28/06/2019	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 577/QĐ-ĐHKG ngày 09/09/2019	
7	Công nghệ sinh học Y Dược	Chủ trì	quyết định giao số 412/QĐ-ĐHKG ngày 28/06/2019	Trường Đại học Kiên Giang	Quyết định công nhận số 578/QĐ-ĐHKG ngày 09/09/2019	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

Không

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

Không

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

Không.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không.

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: Không.

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Kiên Giang, ngày 25 tháng 05 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Thái Thành Lượm